

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

Số: 232/QĐ-NTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ
trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức xét công nhận kết quả học



tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2024 và thay thế Quyết định số 139/QĐ-NTT ngày 02/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi thực hiện chương trình đào tạo liên thông đại học tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Quyết định số 411/QĐ-NTT ngày 04/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc ban hành Quy định điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông; công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Quyết định số 391/QĐ-NTT ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc ban hành Quy định xét miễn học, chuyển điểm học phần tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng phòng Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan, giảng viên, sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG ↓ /



★ TS. Trần Ái Cẩm

QUY ĐỊNH

Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

(Ban hành kèm Quyết định số 2432/QĐ-NTT ngày 08 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường) bao gồm nguyên tắc, điều kiện, quy định đóng lệ phí, hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, quy trình, tổ chức thực hiện và khen thưởng, kỷ luật.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang theo học trình độ đại học tại Trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sinh viên liên thông là:

a) Sinh viên đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp liên thông lên trình độ đại học;

b) Sinh viên đã tốt nghiệp đại học, liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác tại Trường.

2. Sinh viên chính quy là sinh viên không thuộc đối tượng quy định ở khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Chỉ xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ một lần cho sinh viên trong toàn khóa học theo thời gian nộp hồ sơ quy định tại Điều 11 của Văn bản này. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

3. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:



- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

4. Đối với sinh viên liên thông, tổng số tín chỉ tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (không bao gồm số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh); Đối với sinh viên chính quy, tổng số tín chỉ tối đa được công nhận, chuyển đổi là 50 tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh); riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác phối hợp đào tạo với Trường không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

6. Trường hợp khối lượng được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của sinh viên vượt quá khối lượng theo quy định thì sẽ ưu tiên xét theo thứ tự: khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành.

7. Các học phần được miễn học và công nhận tín chỉ được ghi nhận trong bảng kết quả học tập của sinh viên, không tính vào điểm trung bình học tập và được ghi nhận điểm "R" theo quy chế đào tạo.

8. Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hội đồng đề xuất trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 4. Quy đổi thang điểm và đơn vị học trình

1. Quy đổi giữa các thang điểm được quy định như sau:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	8,5 – 10	A	4,0
2	7,0 – 8,4	B	3,0
3	5,5 – 6,9	C	2,0
4	4,0 – 5,4	D	1,0

2. Quy đổi số đơn vị học trình (ĐVHT) theo hình thức niên chế sang số tín chỉ của Trường như sau:

STT	Số ĐVHT	Số tín chỉ quy đổi
1	1 hoặc 2	1
2	3	2
3	4	3
4	5	4
5	6	5




Điều 5. Lệ phí xét và công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Sinh viên thuộc các đối tượng dưới đây không phải đóng lệ phí khi xét và công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ:

- a) Sinh viên đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp liên thông lên trình độ đại học;
- b) Sinh viên đã tốt nghiệp đại học, liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác tại Trường;
- c) Sinh viên chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến Trường;
- d) Sinh viên chuyển ngành của Trường;
- e) Sinh viên đã theo học một chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường nhưng không được công nhận tốt nghiệp, tham gia dự tuyển và trúng tuyển vào các chương trình đào tạo của Trường;
- f) Sinh viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, chương trình đào tạo liên kết; tham gia học một số học phần trong chương trình đào tạo bậc sau đại học của Trường.

2. Sinh viên thuộc các đối tượng còn lại được miễn lệ phí khi xét và công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, cụ thể như sau:

a) Khi xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được miễn lệ phí cho các học phần có điểm từ 8,5 (thang điểm 10) hoặc 4,0 (thang điểm 4) hoặc điểm A trở lên và số tín chỉ tối đa được miễn lệ phí là 09 tín chỉ (không tính số tín chỉ học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh và học phần Giáo dục thể chất). Sinh viên phải đóng lệ phí cho số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi còn lại, nhưng không vượt quá khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi được quy định tại khoản 4, Điều 2 của Văn bản này.

b) Các học phần ngoại ngữ không chuyên (tiếng Anh và ngoại ngữ 2) được miễn lệ phí khi xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ bằng chứng chỉ ngoại ngữ được quy định như sau:

STT	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)	Các chứng chỉ tương đương khung tham chiếu chung châu Âu	Số lượng học phần ngoại ngữ tối đa được miễn lệ phí
1	Bậc 6	C2	5 học phần
2	Bậc 5	C1	4 học phần
3	Bậc 4	B2	3 học phần
4	Bậc 3	B1	2 học phần

c) Các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất được miễn lệ phí khi xét và công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.




d) Lệ phí xét và công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ được công bố cùng thời điểm công bố mức học phí của khoá học.

Điều 6. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cấp Trường được Hiệu trưởng quyết định thành lập theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

a) Thành phần

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- Thư ký: Lãnh đạo Phòng Quản lý đào tạo;
- Uỷ viên: Lãnh đạo Khoa/Viện/Trung tâm phụ trách học phần có đề nghị công nhận kết quả (gọi tắt là đơn vị phụ trách chuyên môn).

b) Nhiệm vụ: Hội đồng thẩm định kết quả xét của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cấp Khoa/Viện/Trung tâm, đề nghị Hiệu trưởng công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

2. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cấp Khoa/Viện/Trung tâm được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng theo đề nghị của trường đơn vị phụ trách chuyên môn.

a) Thành viên

- Chủ tịch: Đại diện lãnh đạo đơn vị phụ trách chuyên môn;
- Thư ký: Thư ký/Giáo vụ đơn vị phụ trách chuyên môn;
- Uỷ viên: Lãnh đạo bộ môn, giảng viên có chuyên môn phù hợp (ít nhất 01 giảng viên/ học phần có đề nghị công nhận kết quả).

b) Nhiệm vụ

- Hội đồng căn cứ vào các quy định tại Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Văn bản này để xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho từng sinh viên.
- Hội đồng cấp Khoa/Viện/Trung tâm tổng hợp kết quả xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ gửi Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cấp Trường;

3. Số thành viên của Hội đồng là số lẻ và có ít nhất từ 03 thành viên trở lên.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Phiên làm việc của Hội đồng hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên theo quyết định thành lập trong đó nhất thiết phải có giảng viên có chuyên môn phù hợp với học phần được xét;

b) Hội đồng làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng;

c) Hội đồng thảo luận công khai; biểu quyết từng nội dung, kết luận theo nguyên tắc đa số và quá bán, trong đó có biểu quyết đồng ý công nhận của thành viên hội đồng có chuyên môn phù hợp với học phần được xét;

- d) Phiên làm việc của Hội đồng phải được ghi thành biên bản, trong đó có kết luận của Hội đồng, có chữ ký của các thành viên Hội đồng;
- e) Hội đồng chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả làm việc của mình, có trách nhiệm giải trình khi được yêu cầu.

Chương II

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ

Điều 7. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Sinh viên được miễn học học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;
- b) Có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo;
- c) Là người nước ngoài.

2. Sinh viên được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN nếu sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

3. Sinh viên được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- b) Không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;
- c) Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

Điều 8. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với học phần Giáo dục thể chất

1. Sinh viên được xét miễn học học phần Giáo dục thể chất nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất (trình độ đại học);
- b) Có bảng điểm xác nhận hoàn thành học phần Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;
- c) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục, thể thao.

2. Sinh viên là người khuyết tật hoặc không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình học phần Giáo dục thể chất thì được xem xét miễn, giảm những nội dung không phù hợp hoặc được học các nội dung thay thế phù hợp. Hiệu trưởng quyết định việc miễn, giảm và quy định các nội dung học tập thay thế đối với người khuyết tật, người không đủ sức khỏe học tập.




Điều 9. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần lý luận chính trị

1. Sinh viên được xét miễn học học phần lý luận chính trị nếu sinh viên thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Chính trị học, Giáo dục chính trị;
- b) Có bằng cao cấp Lý luận chính trị;
- c) Có bảng điểm xác nhận hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị.

2. Sinh viên được xét miễn học tất cả học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị nếu sinh viên thỏa điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 10. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần ngoại ngữ

1. Các học phần ngoại ngữ được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ là các học phần tiếng Anh không chuyên, học phần ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn).

2. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ, văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành liên quan tiếng Anh được xét miễn học các học phần tiếng Anh không chuyên, học phần ngoại ngữ 2 như sau:

- a) Chứng chỉ ngoại ngữ phải đảm bảo còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp đến ngày nộp đơn xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Dựa trên giá trị còn hiệu lực của chứng chỉ, các học phần tiếng Anh không chuyên hoặc ngoại ngữ 2 sẽ được xét miễn tương ứng từ cấp độ thấp đến cao.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương các cấp độ khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam được quy định tại Phụ lục I kèm theo Văn bản này.

Bảng tham chiếu công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần ngoại ngữ 2 được quy định tại Phụ lục II kèm theo Văn bản này.

- b) Sinh viên có bằng cử nhân ngôn ngữ Anh (tiếng Anh), sư phạm tiếng Anh được miễn học toàn bộ các cấp độ học tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

Điều 11. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần khác

Học phần (hoặc nhóm học phần) được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đáp ứng các điều kiện sau:

- 1. Điểm học phần từ 7,0 (thang điểm 10) trở lên hoặc từ điểm 3,0 (thang điểm 4) trở lên hoặc từ điểm B (điểm chữ) trở lên;
- 2. Nội dung của học phần (hoặc nhóm học phần) đáp ứng chuẩn đầu ra học phần trong chương trình đào tạo theo học;




3. Số tín chỉ của học phần (hoặc nhóm học phần) phải bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo theo học.

Điều 12. Hồ sơ và thời gian xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Hồ sơ xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (sau đây gọi tắt là hồ sơ)

a) Đối với sinh viên liên thông

- Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- Văn bằng tốt nghiệp (bản sao hợp lệ);
- Công nhận văn bằng do Cục quản lý chất lượng cấp (bản sao hợp lệ): chỉ nộp khi văn bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp;
- Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục thể chất (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Bảng điểm hoặc giấy chứng nhận kết quả học tập các học phần đã học (bản sao hợp lệ hoặc bản chính);
- Giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo về số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ hoặc số tiết của từng học phần (bản chính): chỉ nộp nếu bảng điểm dùng để công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ chỉ không có số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ hoặc số tiết;
- Đề cương chi tiết các học phần xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ: chỉ nộp khi có yêu cầu của Hội đồng;
- Giấy xác nhận tình trạng khuyết tật (bản sao hợp lệ) theo quy định của Luật Người khuyết tật (chỉ dành cho sinh viên khuyết tật).

b) Đối với sinh viên chuyển trường đến

- Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- Bảng điểm hoặc giấy chứng nhận kết quả học tập các học phần đã học (bản sao hợp lệ hoặc bản chính);
- Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục thể chất (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Đề cương chi tiết các học phần xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ: chỉ nộp khi có yêu cầu của Hội đồng;
- Giấy xác nhận tình trạng khuyết tật (bản sao hợp lệ) theo quy định của Luật Người khuyết tật (chỉ dành cho sinh viên khuyết tật).




c) Đối với sinh viên chuyển ngành; sinh viên tham gia học một số học phần trong chương trình đào tạo bậc sau đại học của Trường: Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

d) Đối với sinh viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, chương trình đào tạo liên kết

- Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- Quyết định cử sinh viên đi học (bản sao hợp lệ);
- MOA giữa Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và đối tác (bản sao hợp lệ);
- Bảng ghi kết quả học tập của sinh viên do đối tác cấp (bản sao hợp lệ).

e) Đối với sinh viên khóa mới không là sinh viên đã theo học một chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường

- Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- Văn bằng tốt nghiệp (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Công nhận văn bằng do Cục quản lý chất lượng cấp (bản sao hợp lệ): chỉ nộp khi văn bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp: nếu có;
- Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Chứng chỉ Giáo dục thể chất (bản sao hợp lệ): nếu có;
- Bảng điểm hoặc giấy chứng nhận kết quả học tập các học phần đã học (bản sao hợp lệ hoặc bản chính);
- Giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo về số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ hoặc số tiết của từng học phần (bản chính): chỉ nộp nếu bảng điểm dùng để công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ chỉ không có số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ hoặc số tiết;
- Đề cương chi tiết các học phần xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ: chỉ nộp khi có yêu cầu của Hội đồng;
- Giấy xác nhận tình trạng khuyết tật (bản sao hợp lệ) theo quy định của Luật Người khuyết tật (chỉ dành cho sinh viên khuyết tật).

f) Đối với sinh viên khóa mới là sinh viên đã theo học một chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường nhưng không được công nhận tốt nghiệp

- Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực (bản sao hợp lệ): nếu có.

2. Yêu cầu với hồ sơ

a) Hồ sơ phải đảm bảo tính chân thực, không làm giả, không rách. Trong trường hợp phát hiện hồ sơ bằng cấp là giả, Nhà trường sẽ huỷ bỏ toàn bộ kết quả công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (nếu có).




b) Bản sao hợp lệ là bản sao được chứng thực từ bản chính không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp đơn.

3. Thời gian nộp hồ sơ

- a) Sinh viên học liên thông: theo thông báo tuyển sinh liên thông;
- b) Sinh viên chuyển trường đến: nộp đồng thời khi nộp hồ sơ chuyển trường đến Trường;
- c) Sinh viên chuyển ngành: nộp đồng thời khi nộp hồ sơ chuyển ngành;
- d) Sinh viên tham học một số học phần trong chương trình đào tạo bậc sau đại học của Trường: ngay sau khi hoàn thành học phần;
- e) Sinh viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, chương trình đào tạo liên kết: chậm nhất 02 tuần sau khi hoàn thành chương trình trao đổi hoặc chương trình liên kết;
- f) Sinh viên chính quy khóa mới: ở học kỳ đầu tiên của khóa học;
- g) Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 13. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Bước 1. Sinh viên nộp hồ sơ xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ về Phòng Quản lý đào tạo.

2. Bước 2. Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp hồ sơ, phân loại và gửi về các đơn vị phụ trách chuyên môn.

3. Bước 3. Căn cứ hồ sơ của sinh viên, đơn vị phụ trách chuyên môn đề xuất Hội đồng cấp đơn vị với thành phần được quy định tại Điều 5.

4. Bước 4. Hội đồng tiến hành xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho từng học phần trên cơ sở đối sánh hồ sơ của sinh viên với đề cương học phần thuộc chương trình đào tạo theo học tại Trường và các yêu cầu quy định tại Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9; tổng hợp danh sách và gửi về Phòng Quản lý đào tạo trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng.

5. Bước 5. Phòng Quản lý đào tạo tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng cấp trường.

6. Bước 6. Hội đồng cấp trường thẩm định kết quả của Hội đồng cấp đơn vị trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

7. Bước 7. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng cấp trường, Phòng Quản lý đào tạo tham mưu trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

8. Bước 8. Phòng Quản lý đào tạo cập nhật kết quả công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Quản lý đào tạo

a) Chủ trì giải quyết việc công nhận xét miễn học, công nhận tín chỉ cho sinh viên và tổng hợp các vấn đề phát sinh trình Hiệu trưởng xem xét giải quyết;

b) Báo cáo Hiệu trưởng định kỳ hàng năm kết quả xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;

c) Lưu trữ hồ sơ xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với thời hạn được quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục.

2. Phòng Thanh tra tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

3. Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế toán, các Khoa, Viện và Trung tâm có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Phòng Quản lý đào tạo chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổng hợp trình Hiệu trưởng đánh giá công tác xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ hàng năm của Khoa/Viện/Trung tâm; đề xuất khen thưởng thường niên hoặc đột xuất đối với cá nhân, tập thể có hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

2. Đơn vị, cá nhân vi phạm trong việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ sẽ bị xử lý theo tính chất, mức độ vi phạm theo quy định của Trường.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Cẩm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC CẤP ĐỘ KHUNG
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-NTT ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)	Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Chứng chỉ quốc tế						Số học phần được công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ (từ cấp độ thấp đến cao) tối đa		
		Aptis ESOL (**)	IELTS (*)	TOEIC (4 kỹ năng) (*)	TOEFL iBT (*)	TOEFL ITP (*)	Cambridge Exam (*)		BEC (*)	Linguaskill (*)
Bậc 3	B1	B1	4.0 - 5.0	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	30 - 45	450 - 499	B1 Preliminary (PET)	B1 Business Preliminary	140-159	4 học phần
Từ bậc 4 trở lên	Từ B2 trở lên	Từ B2 trở lên	Từ 5.5 trở lên	Nghe: 400 trở lên Đọc: 385 trở lên Nói: 160 trở lên Viết: 150 trở lên	Từ 46 trở lên	-	B2 First (FCE)	B2 Business Vantage	Từ 160 trở lên	6 học phần

Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các kết quả ngoại ngữ khác về Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tiếng Anh) dựa vào việc tham khảo các bảng quy chiếu tại:

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(*) Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

(**) Quyết định 925/QĐ-BGDĐT 2023 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc.

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành công nhận chứng chỉ tiếng Anh do các tổ chức dưới đây cấp:

- Chứng chỉ tiếng Anh Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- British Council, IDP Education Australia đối với chứng chỉ IELTS Academic;
- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ - Educational Testing Service (ETS) đối với các chứng chỉ TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP;
- British Council đối với chứng chỉ Aptis ESOL;
- Hội đồng khảo thí Đại học Cambridge - Cambridge Assessment English đối với chứng chỉ Cambridge exam, BEC, Linguaskill.

Các chứng chỉ phải đảm bảo còn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp đến ngày nộp đơn xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
CÁC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN KHÁC

(Kèm theo Quyết định số 432/QĐ-NTT ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ quốc tế	Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi
1	Pháp	Chứng chỉ năng lực tiếng Pháp DELF do IDECAF cấp	- DELF B1: miễn tiếng Pháp 1, 2, 3.
		Chứng chỉ năng lực tiếng Pháp TCF do CIEP cấp	- DELF B2: miễn tất cả cấp độ tiếng Pháp trong CTĐT.
2	Nhật	Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật do Japan Foundation cấp	- TCF 300-399: miễn tiếng Pháp 1, 2, 3.
			- TCF 400-499: miễn tất cả cấp độ tiếng Pháp trong CTĐT.
3	Hàn	Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn - TOPIK do viện ngôn ngữ Hàn cấp	- N4: miễn tiếng Nhật 1, 2, 3.
			- N3: miễn tất cả cấp độ tiếng Nhật trong CTĐT.
4	Trung	Chứng chỉ năng lực tiếng Hoa - HSK	- TOPIK II cấp độ 3: miễn tiếng Hàn 1, 2, 3.
			- TOPIK II cấp độ 4: miễn tất cả cấp độ tiếng Hàn trong CTĐT.
5	Đức	Chứng chỉ năng lực tiếng Đức (Telc) của Viện Goethe (Goethe-Institut)	- HSK bậc 3: miễn tiếng Trung 1, 2, 3.
			- HSK bậc 4: miễn tất cả cấp độ tiếng Trung trong CTĐT.
		The German TestDaF language certificate	- Goethe-Zertifikate B1: miễn tiếng Đức 1, 2, 3.
			- Goethe-Zertifikate B2: miễn tất cả cấp độ tiếng Đức trong CTĐT.
			- TestDaF bậc 3 (TDN 3): miễn tiếng Đức 1, 2, 3.
			- TestDaF bậc 4 (TDN 4): miễn tất cả cấp độ tiếng Đức trong CTĐT.

(Chữ ký)
10/10/2024